

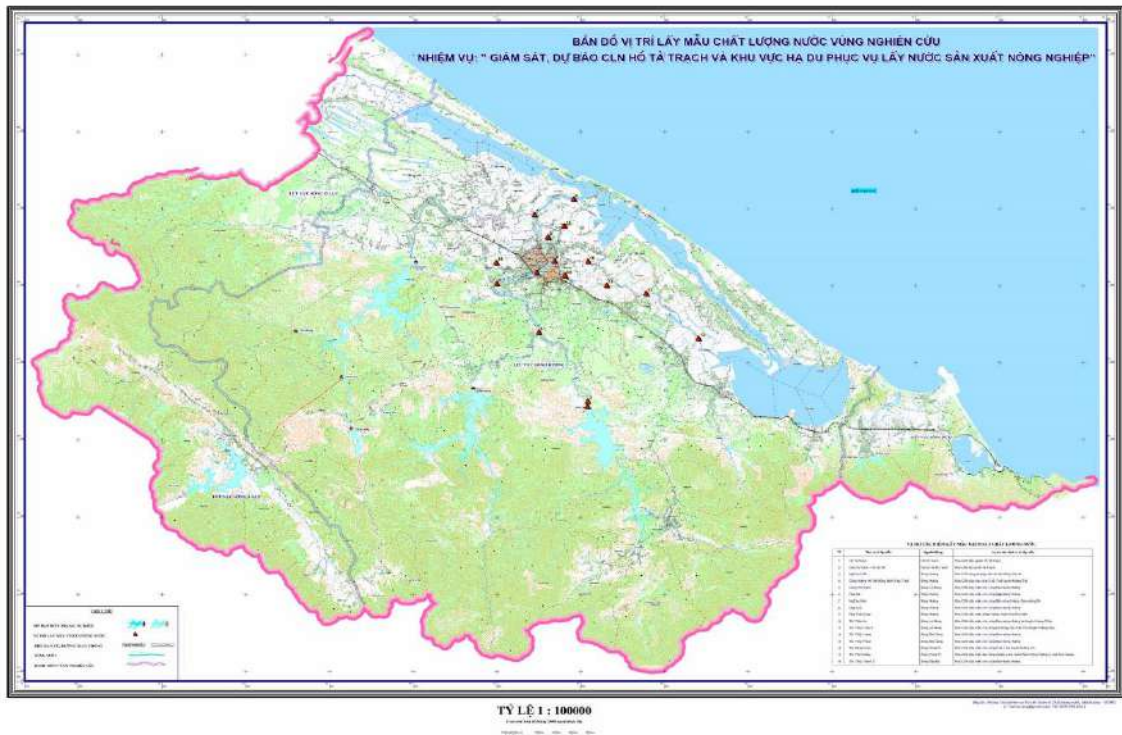
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024*”

BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 2

NGÀY LẤY MẪU: 01 VÀ 02, 15 VÀ 16 THÁNG 2 NĂM 2024

NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH: 29 THÁNG 2 NĂM 2024



Hệ thống thủy lợi Tả Trạch

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 2 năm 2024

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024*”

BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 2

NGÀY LẤY MẪU: 01 VÀ 02, 15 VÀ 16 THÁNG 2 NĂM 2024

NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH: 29 THÁNG 2 NĂM 2024

**CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI
MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN
VIỆN TRƯỞNG**

Hoàng Ngọc Tuấn

Thông tin chung:

Nhiệm vụ Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024 được Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên thực hiện. Năm 2024, có 10 đợt lấy mẫu quan trắc chất lượng nước trong hệ thống với 15 điểm quan trắc và 13 chỉ tiêu phân tích. Trong mỗi đợt lấy mẫu có 01 bản tin kết quả quan trắc chất lượng nước. Các bản tin được đưa lên websites tại địa chỉ www.cviwr.vn và được gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả phân tích chất lượng nước tháng 2 lấy mẫu ngày 01 và 02, 15 và 16/2/2024 nội dung gồm: kết quả phân tích các chỉ tiêu; kết quả tính chỉ số WQI và những khuyến cáo về chất lượng nước khi sử dụng phục vụ SXNN.

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 2 năm 2024

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 2

1. **Nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. **Ngày quan trắc:** 01-02, 15-16/2/2024 3. **Ngày cung cấp thông tin:** 29/2/2024

Mô tả thời tiết lúc lấy mẫu: Trời nắng âm

4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 15 vị trí

5. **Đơn vị thực hiện:** Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên

Người cung cấp thông tin: Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên

6. **Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

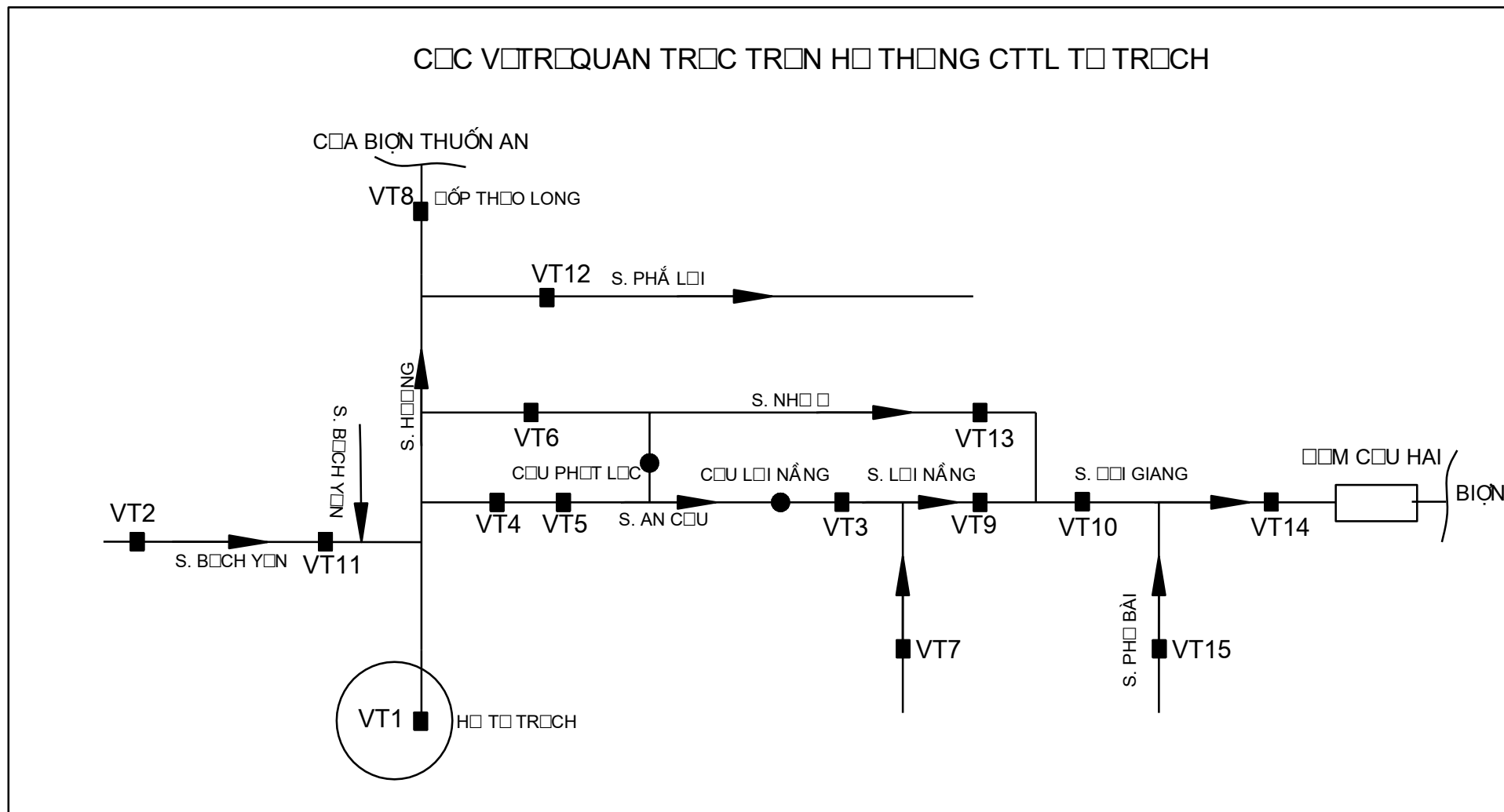
7. **Vị trí lấy mẫu:**

Bảng 1. Vị trí các điểm lấy mẫu giám sát chất lượng nước

STT	Tên vị trí	Tọa độ		Nguồn/sông	Mục đích lấy mẫu
		Vĩ độ N	Kinh độ E		
VT1	Hồ Tả Trạch	16°18'53.2"N	107°38'12.5"E	Hồ Tả Trạch	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT2	Trạm bơm La Chũ	16°29'20.6"N	107°30'59.9"E	Sông Hương	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT3	Phía sau nhà máy dệt Thủy Dương (sông An Cựu)	16°26'57.3"N	107°37'16.2"E	Sông An Cựu	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT4	Chợ An Cựu (sông An Cựu)	16°27'25.1"N	107°36'05.8"E	Sông An Cựu	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT5	Cổng Phú Cam sông An Cựu	16°27'21.5"N	107°35'38.2"E	Sông An Cựu	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT6	Đập Đá sông Hương	16°28'24.0"N	107°35'42.5"E	Sông Hương	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT7	Cầu Vực	16°25'33.66"N	107°39'14.0"E	Sông Lợi Nông	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT8	Đập Thảo Long	16°32'55.0"N	107°37'01.3"E	Sông Hương	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh + Kiểm soát độ mặn
VT9	Trạm bơm Thủy Châu 1 sông Lợi Nông	16°26'40.6"N	107°39'09.3"E	Sông Lợi Nông	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT10	Trạm bơm Thủy Phù 2 sông Đại Giang	16°23'11.3"N	107°44'58.0"E	Sông Đại Giang	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT11	Trạm bơm Cổ Bưu kênh 5 xã, 7 xã sông Hương	16°28'28.5"N	107°31'53.6"E	Sông Hương	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh

STT	Tên vị trí	Tọa độ		Nguồn/sông	Mục đích lấy mẫu
		Vĩ độ N	Kinh độ E		
VT12	Trạm bơm Phú Dương sông Phở Lợi	16°30'46.5"N	107°36'32.8"E	Sông Phở Lợi	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT13	Trạm bơm Thủy Thanh 2 sông Như Ý	16°27'48.6"N	107°38'53.6"E	Sông Như Ý	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT14	Cống Quan sông Đại Giang	16°21'35.1"N	107°46'32.5"E	Sông Đại Giang	Kiểm soát độ mặn
VT15	Phía sau KCN Phú Bài	16°22'47.96"N	107°41'37.94"E	Sông Phú Bài	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh

8. Bản đồ vị trí các trạm quan trắc



Hình 1. Sơ đồ đường thẳng các vị trí quan trắc mẫu

9. Một số hình ảnh thông tin lúc lấy mẫu ngày 01-02, 15-16/2/2024:



Hình 1. TB. Thủy Châu



Hình 2. Phía sau NMD Thủy Dương



Hình 3. Cầu Vực



Hình 4. Cống Phú Cam



Hình 5. Xả thải ra chợ An Cựu



Hình 6. TB. Thủy Thanh

II. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC WQI

Bảng 2. Kết quả đánh giá chất lượng nước theo chỉ số WQI tháng 2

TT	VT lấy mẫu		WQI	Đánh giá	Màu thể hiện		Xếp loại
1	VT1	Hồ Tả Trạch	97	Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh nước biển		A
2	VT2	TB. La Chũ	90	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
3	VT3	Nhà máy dệt Thủy Dương	83	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
4	VT4	Chợ An Cựu	82	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
5	VT5	Công Phú Cam	83	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
6	VT6	Đập Đá	94	Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh nước biển		A
7	VT7	Cầu Vực	84	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
8	VT8	Đập Thảo Long	95	Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh nước biển		A
9	VT9	Trạm bơm Thủy Châu 1	92	Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh nước biển		A
10	VT10	Trạm bơm Thủy Phù 2	90	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
11	VT11	Trạm bơm Cổ Bưu	90	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B

TT	VT lấy mẫu		WQI	Đánh giá	Màu thể hiện		Xếp loại
12	VT12	Trạm bơm Phú Dương	91	Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh nước biển		A
13	VT13	Trạm bơm Thủy Thanh 2	90	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
14	VT15	KCN Phú Bài	87	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B

Ghi chú: Đánh giá theo hướng dẫn kỹ thuật tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước Việt Nam (VN_WQI) ban hành theo Quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường. Trong đó:

A- WQI từ 91-100: Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt

B- WQI từ 76-90: Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp;

C- WQI từ 51-75: Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác;

D- WQI từ 26-50: Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác;

E- WQI từ 10-25: Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai;

G- WQI <10: Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý.

III. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ TIÊU HÓA LÝ VÀ VI SINH THÁNG 2

3.1. Các chỉ tiêu hóa lý và vi sinh

Sau khi so sánh với mức độ phân loại chất lượng nước (loại B) được quy định tại Bảng 2 và Bảng 3 trong QCVN 08-MT:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, kết quả phân tích chất lượng nước cho thấy phần lớn hàm lượng của các chỉ tiêu tại các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép, chỉ có chỉ tiêu BOD₅ tại các vị trí VT3, VT4, VT5, VT7, VT15; chỉ tiêu PO₄³⁻ tại vị trí VT4, VT5 và VT7 vượt giới hạn cho phép. Đối với một số chỉ tiêu khác như Nitrat (NO₃⁻), Amoni (NH₄⁺), Nitrit (NO₂⁻) đều có hàm lượng đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép được quy định tại cột B1 trong QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

Kết quả tính toán chỉ số chất lượng nước WQI tháng 2 tại các vị trí quan trắc đều đạt mức tốt và rất tốt (dao động từ 83-97), đảm bảo mục đích tưới tiêu cho nông nghiệp cũng như các mục đích tương tự khác.

Ghi chú:

1) QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

2) QCVN08-MT:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt năm 2023.
 Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước. (Vị trí áp dụng từ VT2 đến VT15)

Bảng 3: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước. (Vị trí áp dụng: VT1: Hồ Tả Trạch)

Mức phân loại chất lượng nước (loại B): Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hoà tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

3.2. Chỉ tiêu độ mặn

- Nhiệm vụ giám sát độ mặn tại 2 vị trí là đập Thảo Long (VT8) và Công Quan (VT14), kết quả ngày 01-02, 15-16/02/2024 cho thấy độ mặn ở phía thượng lưu đập là 0‰ nên các trạm bơm/cổng lấy nước ở phía thượng lưu có thể lấy nước để tưới lúa.

IV. DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 3

4.1. Thông tin chung

Theo thông tin từ Đài KTTV khu vực Trung Trung Bộ, nền nhiệt Thừa Thiên Huế có dấu hiệu tăng từ đầu tháng 3, tuy nhiên vẫn ở ngưỡng tương đối mát mẻ. Nhiệt độ giao động từ 22°C cho đến 35°C.

Cây lúa đang trong giai đoạn đẻ nhánh, lên cây con, đến cuối tháng 3 cây lúa sẽ bước vào giai đoạn trổ bông.

Mức nước tại các hồ An Trạch, Hương Điền, Bình Điền vận hành theo quy trình vận hành của hệ thống sông Hương ban hành theo Quyết định số 1606/QĐ-TTg, ngày 13/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể mức nước tại các hồ theo các giai đoạn như sau:

Bảng 3. Mức nước vận hành các hồ thủy điện trên lưu vực

Khoảng thời gian		Khoảng mực nước (m)					
(ngày/tháng)		Tả Trạch		Bình Điền		Hương Điền	
Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến
01/03	10/03	37,0	38,4	75,8	78,0	52,0	53,5
11/03	20/03	36,6	38,0	74,9	77,0	51,6	53,0
21/03	31/03	36,0	37,4	73,7	75,9	51,2	52,4

4.2. Dự báo chất lượng nước

a. Cơ sở xây dựng phương án dự báo

Để dự báo tình hình chất lượng nước căn cứ theo các cơ sở sau:

- Kết quả thực địa lấy mẫu và phân tích các mẫu chất lượng nước tại các vị trí.
- Bộ mô hình thủy văn, thủy lực đã được hiệu chỉnh, kiểm định và đã được cập nhật mới nhất cho lưu vực sông Hương.
- Số liệu khí tượng, thủy văn dự báo.
- Số liệu lưu lượng xả của các hồ thủy điện làm biên đầu vào của mô hình: căn cứ theo QTVH liên hồ chứa trên lưu vực sông Hương ban hành theo Quyết định số 1606/QĐ-TTg, ngày 13/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ và số liệu vận hành thực tế của các nhà máy thủy điện được công bố trên trang web của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thừa Thiên Huế.

b. Cơ sở dữ liệu phục vụ tính toán

- Mạng lưới sông Hương đưa vào tính toán như Hình 1.
- Mục nước vận hành các hồ thủy điện Bảng 3.

c. Kết quả dự báo chất lượng nước

Kết quả dự báo chất lượng nước theo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺-N như sau:

- Chỉ số oxy hòa tan (DO): cơ bản tất cả các vị trí đều nằm trong ngưỡng cho phép (≥ 4 mg/l). Vị trí thấp nhất được ghi nhận tại Nhà máy dewatering Thủy Dương (VT3) và cầu Vực (VT7) trong tháng 3 lần lượt là 5,12 và 5,45 (mg/l).

- Chỉ số nhu cầu oxy sinh học (BOD₅): hầu hết các vị trí đều đạt trong ngưỡng cho phép (<6 mg/l) theo QCVN08-MT:2023/BTNMT, Nhà máy dewatering Thủy Dương (VT3), Chợ An Cựu (VT4), Cống Phú Cam (VT5), cầu Vực (VT7), KCN Phú Bài (VT15) ghi nhận chỉ số BOD₅ lần lượt là 10,25 mg/l, 9,62 mg/l, 9,78 mg/l, 11,94 mg/l, 10,63 mg/l vượt ngưỡng cho phép ở tháng 3.

- Chỉ số amoni (NH₄⁺): tất cả các vị trí đều trong ngưỡng cho phép (< 0,9mg/l)

Nhận xét:

Như vậy, về cơ bản trong tháng 3 tới chất lượng nước trên hệ thống sẽ đảm bảo tưới cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, các đơn vị vận hành trên khu vực cần lưu ý quan sát kỹ các dấu hiệu bất thường trước khi mở nước tưới đặc biệt là các trạm bơm nằm phía dưới các vị trí Nhà máy dewatering Thủy Dương (VT3), Chợ An Cựu (VT4), Cống Phú Cam (VT5), cầu Vực (VT7), KCN Phú Bài (VT15)

V. KẾT LUẬN

- Lúa trong khu vực hiện đang trong giai đoạn đẻ nhánh, lên cây con.
- Theo số liệu quan trắc chất lượng nước ngày 01-02 và 15-16/2/2024 nhận thấy: Chất lượng nước tại hầu hết các vị trí quan trắc đều tốt và đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN, tuy nhiên một số vị trí như Nhà máy dewatering Thủy Dương (VT3), Chợ An Cựu (VT4), Cống Phú Cam (VT5), cầu Vực (VT7), KCN Phú Bài (VT15) có chỉ tiêu BOD₅, PO₄³⁻ vượt giới hạn cho phép. Do đó các cơ quan liên quan cần liên tục giám sát, thông tin đến người dân trong quá trình lấy nước từ các vị trí trên để cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, đồng thời cần có biện pháp giám sát chặt chẽ nguồn nước xả thải từ các nhà máy, khu công nghiệp, nước thải sinh hoạt, chặn nuôi trước khi thải ra môi trường để hạn chế ô nhiễm nguồn nước.

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 2 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn